

Số: 27 /2018/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 17 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng  
mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*  
*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*  
*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;*  
*Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;*  
*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước;*  
*Căn cứ Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*  
*Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

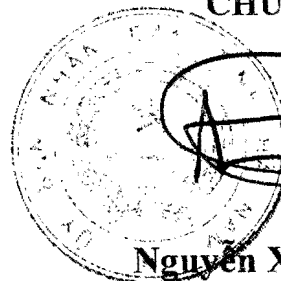
**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2018 và thay thế Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Th*

**Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- VPUB: LĐVP, NC, TH;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Đông**

## QUY CHẾ

### Quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số **27** /2018/QĐ-UBND ngày **17** tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng là hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, được sử dụng riêng trong hoạt động truyền số liệu và ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước do Cục Bưu điện Trung ương là chủ mạng, quản lý, điều hành hoạt động mạng (sau đây gọi là mạng truyền số liệu chuyên dùng và viết tắt là “mạng TSLCD”).
2. Đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II là các cơ quan thuộc hệ thống chính trị tại tỉnh Hà Nam thực hiện kết nối vào mạng TSLCD cấp II.
3. Dịch vụ truy nhập Internet quy định tại quy chế này được hiểu là Internet chuyên dùng qua cổng kết nối Internet của mạng TSLCD cấp II để phục vụ các ứng dụng chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên mạng TSLCD.

## Chương II

### QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH MẠNG TSLCD CẤP II

#### Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành mạng TSLCD cấp II

1. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh ký kết hợp đồng với các cơ quan sử dụng dịch vụ mạng TSLCD cấp II, chịu trách nhiệm đảm bảo vận hành và cung cấp dịch vụ theo hợp đồng.
2. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, kiểm tra các doanh nghiệp viễn thông thực hiện các quy định của pháp luật trong điều hành hoạt động, duy trì, đảm bảo an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

3. Quản lý, vận hành mạng TSLCD cấp II phải bảo đảm khai thác hiệu quả tài nguyên mạng và nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

4. Mạng TSLCD cấp II được quản lý, vận hành tập trung, thống nhất; được rà soát kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất để bảo đảm an toàn, bảo mật và tính sẵn sàng trong quá trình vận hành và sử dụng.

5. Mạng TSLCD cấp II phải được bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, liên tục (24 giờ/ngày và 07 ngày/tuần).

#### **Điều 4. Danh mục dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II**

1. Dịch vụ cơ bản

a) Dịch vụ mạng riêng ảo (điểm điểm, đa điểm);

b) Dịch vụ kênh thuê riêng;

c) Dịch vụ truy cập Internet chuyên dùng;

d) Dịch vụ hội nghị truyền hình;

đ) Dịch vụ thoại;

e) Các dịch vụ cơ bản khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Dịch vụ giá trị gia tăng

a) Dịch vụ thư thoại;

b) Dịch vụ thư điện tử;

c) Dịch vụ IPTV;

d) Dịch vụ thuê máy chủ ảo;

đ) Các dịch vụ giá trị gia tăng khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Dịch vụ cộng thêm

a) Các dịch vụ cộng thêm của thoại IP, gồm: dịch vụ hiển thị số chủ gọi, dịch vụ chờ cuộc gọi, dịch vụ chuyển cuộc gọi, dịch vụ chặn cuộc gọi, dịch vụ quay số tắt;

b) Các dịch vụ cộng thêm khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

### **Chương III**

#### **QUY ĐỊNH VỀ KẾT NỐI, SỬ DỤNG MẠNG TSLCD CẤP II**

##### **Điều 5. Yêu cầu kết nối đối với đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II**

1. Các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II phải kết nối qua hạ tầng mạng của doanh nghiệp viễn thông.

2. Doanh nghiệp viễn thông phải bảo đảm kết nối giữa các điểm thuộc mạng TSLCD cấp II theo nhu cầu sử dụng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh và bảo đảm thực hiện các yêu cầu kết nối theo yêu cầu của Cục Bưu điện Trung ương.

3. Doanh nghiệp viễn thông phải thiết lập kết nối trung kế và đảm bảo yêu cầu về kết nối trung kế theo yêu cầu của Cục Bưu điện Trung ương.

4. Việc kết nối giữa các điểm mạng TSLCD cấp II thuộc các doanh nghiệp viễn thông khác nhau, giữa các điểm mạng TSLCD cấp II thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nhau phải được Cục Bưu điện Trung ương phê duyệt và phải định tuyến thông qua điểm tập trung của mạng TSLCD cấp I.

5. Tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến: bảo đảm thống nhất tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương) cho mạng TSLCD.

#### **Điều 6. Yêu cầu về hạ tầng mạng của doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II**

1. Doanh nghiệp viễn thông có mạng lưới tại các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh phải có đủ năng lực hạ tầng mạng kết nối đến các đơn vị thuộc mạng TSLCD cấp II; có đội ngũ nhân sự bảo đảm giám sát, vận hành và hỗ trợ xử lý sự cố trực tiếp tại các điểm kết nối, có đường trung kế kết nối sang mạng TSLCD cấp I do Cục Bưu điện Trung ương cấp mới được cung cấp dịch vụ.

2. Các kết nối đến mạng TSLCD cấp II phải bảo đảm an toàn, bảo mật đường truyền theo quy định.

3. Dịch vụ được triển khai trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

#### **Điều 7. Sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II**

1. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin, an toàn thông tin và lưu trữ.

2. Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên mạng TSLCD cấp II phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng mạng TSLCD.

3. Thông tin quan trọng truyền tải trên mạng TSLCD phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, mã hoá bằng mật mã cơ yếu.

### **Chương IV**

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

##### **Điều 8. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp viễn thông thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn mạng và thông tin trên mạng TSLCD.



2. Chủ trì kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy chế về sử dụng, chia sẻ, lưu trữ thông tin và an toàn thông tin trên mạng TSLCD.

3. Xây dựng kế hoạch phát triển mạng TSLCD cấp II tại tỉnh.

4. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về mạng TSLCD; hướng dẫn các đơn vị quản lý, khai thác hiệu quả mạng TSLCD.

5. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, tổng hợp, báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại tỉnh Hà Nam.

### **Điều 9. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II**

1. Công bố các điểm đăng ký dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố và giải quyết khiếu nại của các đơn vị sử dụng mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng và công bố quy định chi tiết các nội dung hợp đồng mẫu, thương thảo, ký kết hợp đồng với đơn vị sử dụng mạng TSLCD.

3. Bảo đảm chất lượng dịch vụ, độ sẵn sàng đối với các điểm kết nối của đơn vị sử dụng mạng TSLCD. Hỗ trợ các cơ quan sử dụng các dịch vụ được cung cấp trên mạng TSLCD.

4. Tuân thủ các quy định về kết nối, chất lượng mạng và bảo đảm an toàn thông tin đối với mạng TSLCD theo quy định do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

5. Triển khai các giải pháp và hệ thống thiết bị dự phòng và con người để bảo đảm cơ sở hạ tầng mạng TSLCD hoạt động liên tục và an toàn.

6. Kịp thời thông báo các loại cước phí, dịch vụ, chính sách sử dụng dịch vụ mới ban hành theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông đến các cơ quan sử dụng mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh.

7. Phải báo cáo và chịu sự giám sát, thẩm định của Cục Bưu điện Trung ương đối với các dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD và các sự cố đối với mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh.

8. Định kỳ trước 15 tháng 6 và 10 tháng 12 hàng năm, tổng hợp, báo cáo về tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh với Cục Bưu điện Trung ương và Sở Thông tin và Truyền thông.

### **Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II**

1. Quản lý, khai thác và bảo vệ thiết bị mạng của điểm kết nối đặt tại cơ quan mình theo quy định về mạng TSLCD và hợp đồng với doanh nghiệp cung cấp đường truyền và dịch vụ.

2. Đảm bảo nội dung, thông tin truyền đưa trên mạng TSLCD cấp II theo đúng quy định của pháp luật.

3. Không thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan đến mạng TSLCD không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống mạng TSLCD.

4. Khi có sự cố xảy ra, cần thông báo kịp thời cho doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ biết để giải quyết.

5. Chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan như:

a) Quản lý hệ thống tường lửa của đơn vị đối với mạng TSLCD cấp II;

b) Quản lý bộ tập trung người dùng mạng riêng ảo của đơn vị được thiết lập (nếu có) trên nền tảng mạng TSLCD cấp II;

c) Quản lý các tên miền của đơn vị;

d) Quản lý các chính sách kết nối Internet của đơn vị thông qua mạng TSLCD cấp II;

đ) Ghi lại các sự cố, lỗi xảy ra về kết nối mạng TSLCD cấp II, về an toàn, bảo mật thông tin; trường hợp có sự cố nghiêm trọng vượt quá khả năng khắc phục của đơn vị phải thông báo với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ để phối hợp khắc phục kịp thời, nhanh chóng.

6. Đăng ký sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số với Ban Cơ yếu Chính phủ để bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trên mạng TSLCD.

7. Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ có ảnh hưởng đến mạng TSLCD cấp II, phải thông báo cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước tối thiểu 05 ngày làm việc để đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể mạng TSLCD cấp II.

8. Bảo đảm tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD; xây dựng quy chế nội bộ về việc sử dụng mạng TSLCD.

9. Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, về quản lý và cấp phép cung cấp thông tin, thiết lập trang thông tin điện tử trên Internet, về chế độ bảo mật, an toàn thông tin.

10. Trả chi phí sử dụng mạng TSLCD theo quy định của Nhà nước.

11. Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD cấp II trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị.



### **Điều 11. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng mạng TSLCD cấp II**

1. Tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD.
2. Không được tiết lộ mật khẩu truy cập các ứng dụng trên Mạng chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền.
3. Khi gặp sự cố phải thông báo kịp thời cho Quản trị mạng của cơ quan để giải quyết.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

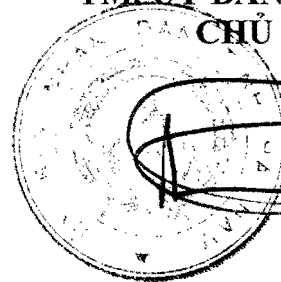
### **Điều 12. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành**

1. Sở Thông tin và Truyền thông tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện các quy định của Quy chế này.
2. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng mạng TSLCD có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

### **Điều 13. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Đông**